

Số: *1514* /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày *22* tháng *6* năm *2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hoá ngành Hải quan giai đoạn 2011 – 2015”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hoá ngành Hải quan giai đoạn 2011-2015".

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Tài vụ quản trị thống nhất với Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan trình Bộ phê duyệt dự toán kinh phí và các nguồn lực đảm bảo thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban ND các tỉnh, TP;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCHQ. (14)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn
Đỗ Hoàng Anh Tuấn

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH, PHÁT TRIỂN VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ
NGÀNH HẢI QUAN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1514 /QĐ-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHẦN 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI CÁCH, PHÁT TRIỂN VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ NGÀNH HẢI QUAN GIAI ĐOẠN 2008 - 2010

Ngày 14/3/2008, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 456/QĐ-BTC về "Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hoá hải quan giai đoạn 2008-2010" (sau đây gọi tắt Kế hoạch 456), kèm theo 4 Chương trình hoạt động bao gồm: Chương trình cải cách thủ tục hải quan; Chương trình cải cách, nâng cao hiệu quả công tác quản lý hải quan; Chương trình hiện đại hoá cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin - thống kê hải quan và Chương trình cải cách tổ chức bộ máy, quản lý và phát triển nguồn nhân lực.

Kết quả thực hiện Kế hoạch 456, Chỉ thị số 04/2008/CT-BTC ngày 15/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh cải cách hiện đại hoá hải quan, phòng chống phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong ngành Hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, Chỉ thị số 02/CT-BTC ngày 04/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hoá ngành Hải quan giai đoạn 2009-2010, được tổng kết, đánh giá trên các mặt sau đây:

I. Kết quả thực hiện Kế hoạch 456

1. Thể chế

Trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan. Đã tiến hành rà soát tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật về hải quan để kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; Đã tiến hành hệ thống hóa và phân loại các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực hải quan mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập.

2. Công tác cải cách nghiệp vụ hải quan

2.1. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan

a. Cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là thủ tục hải quan theo Đề án 30 của Thủ tướng Chính phủ

- Đã tiến hành rà soát, thống kê, hệ thống hoá, công khai hoá Bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, bao gồm 239 thủ tục hành chính. Kiến nghị sửa đổi 44 thủ tục, bổ sung 03 thủ tục; bãi bỏ 06 thủ tục; ghép các thủ tục hải quan thực hiện bằng phương thức điện tử và phương thức truyền thống có chung bản chất thành 1 thủ tục. Trên cơ sở đó đề xuất đơn giản hoá 138 thủ tục hành chính. Tiếp tục triển khai giai đoạn 3 của Đề án 30.

- Quy trình thủ tục hải quan đã từng bước được cải tiến theo hướng đơn giản, hài hoà, minh bạch, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan, vừa đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại.

- Đã triển khai thực hiện Hiệp định về xây dựng và triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN, đề xuất Chính phủ kiện toàn bộ máy chỉ đạo, xây dựng và trình phê duyệt “Kế hoạch tổng thể triển khai cơ chế Một cửa quốc gia và tham gia cơ chế Một cửa ASEAN giai đoạn 2008-2012”, rà soát, mô hình hoá quy trình, dữ liệu của các Bộ, Ngành có liên quan, hợp tác quốc tế để tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ để thực thi cơ chế Một cửa tại Việt Nam, tham gia các hoạt động trong khuôn khổ ASEAN về cơ chế Một cửa.

b. Tiếp tục thí điểm thủ tục hải quan điện tử

- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 103/2009/QĐ-TTg về thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử giai đoạn 2009-2011. Xây dựng và trình Bộ Tài chính ban hành Thông tư, quy trình hướng dẫn thi hành.

- Chỉ đạo các Cục Hải quan địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai tại địa phương bám sát các mục tiêu và lộ trình đặt ra theo kế hoạch. Đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ thực hiện thủ tục hải quan điện tử (TTHQĐT)...

Kết quả thực hiện TTHQĐT đến hết ngày 15/12/2010 đạt: 13/33 Cục Hải quan, 70/161 Chi cục, trong đó có 8/13 Cục Hải quan đã triển khai TTHQĐT tại 100% các Chi cục; số lượng loại hình thực hiện là 03 loại hình chính và 06 loại hình khác; số lượng doanh nghiệp thực hiện TTHQĐT đạt 3.135 (chiếm 6% tổng số doanh nghiệp làm thủ tục hải quan trên địa bàn); số lượng tờ khai đạt 333.055 tờ (chiếm 10% tổng số tờ khai toàn Cục), kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 42.230 triệu USD (đạt tỷ lệ 23% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn Cục), thu thuế đạt 46.103 tỷ VNĐ (đạt tỷ lệ 16% số thu toàn Cục); tỷ lệ phân luồng xanh 74,7%, luồng vàng (kiểm tra hồ sơ giấy) 14,3%, luồng đỏ 11%; thời gian thông quan trung bình: luồng xanh từ 3-15 phút; luồng vàng từ 10-60 phút; luồng đỏ phụ thuộc thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa. So với kết quả triển khai TTHQĐT cùng thời điểm năm 2009, tăng 35 lần về số Chi cục, 7,78 lần về số doanh nghiệp, 18 lần về số tờ khai, 22 lần về số kim ngạch.

- Song song với thực hiện TTHQĐT, toàn ngành đã áp dụng rộng rãi khai

hải quan từ xa qua mạng đạt khoảng 85% đến 90%.

2.2. Quản lý thuế

- Tổ chức thực hiện tốt công tác thu ngân sách bao gồm phân tích, đánh giá, dự báo số thu ngân sách và phân bổ chỉ tiêu thu cho các Cục Hải quan. Tiến hành đồng bộ, quyết liệt các khâu nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ thu. Tổ chức thực hiện tốt các quy trình quản lý theo dõi nợ thuế; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế; ưu đãi đầu tư; ấn định thuế, truy thu thuế; cưỡng chế thuế...;

- Xây dựng và ban hành các quy trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế trong ngành, hoàn thiện cơ sở dữ liệu giá phục vụ khai thác và sử dụng; từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu giá tính thuế. Thường xuyên cập nhật, bổ sung Danh mục quản lý rủi ro về giá; xây dựng Danh mục mặt hàng trọng điểm cần quản lý. Thực hiện tốt công tác tham vấn giá đối với một số nhóm mặt hàng nhạy cảm, có thuế suất cao, những mặt hàng mà cơ quan Hải quan có đủ cơ sở dữ liệu; Kỹ năng tham vấn của công chức hải quan từng bước được nâng cao...

2.3. Kỹ thuật nghiệp vụ

- Công tác phân tích phân loại đã được củng cố từ cơ sở pháp lý đến mô hình tổ chức, quy trình nghiệp vụ, trang thiết bị kỹ thuật.

- Từng bước nâng cao kỹ năng kiểm tra xác định xuất xứ hàng hoá cho cán bộ công chức hải quan, đảm bảo hàng hoá được hưởng các ưu đãi thuế quan và thương mại đúng quy định của pháp luật và phù hợp với các tiêu chí xuất xứ của hàng hoá.

- Ban hành và triển khai thực hiện quy trình nghiệp vụ thực thi quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trong lĩnh vực hải quan theo Quyết định 2808/QĐ-TCHQ ngày 31/12/2008. Từ năm 2007 đến nay, ngành Hải quan đã tiếp nhận và tiến hành kiểm tra, giám sát biên giới đối với gần 300 đối tượng quyền SHTT, bắt giữ và xử lý 28.412 kg linh kiện điện thoại; 14.691 lọ mỹ phẩm các loại; 107.430 bao thuốc lá các loại; 10.000 chai rượu các loại... vi phạm quyền sở hữu trí tuệ (SHTT).

2.4. Kiểm soát hải quan

a. Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan và quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện đại hóa ngành Hải quan

- Ban hành nhiều văn bản là cơ sở pháp lý cho áp dụng quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục hải quan, tiến hành công tác thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan, cụ thể hoá các quy định, quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác, phân công, phân cấp thực hiện cho các cấp trong ngành.

- Kiện toàn hệ thống các đơn vị chuyên trách làm công tác thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan và quản lý rủi ro.

- Nâng cấp, vận hành tốt hệ thống quản lý rủi ro giai đoạn I, xây dựng hệ thống quản lý rủi ro giai đoạn II với những tính năng vượt trội, khắc phục cơ bản những vướng mắc, bất cập của hệ thống sơ khai.

b. Tổ chức thực hiện có chiều sâu công tác nghiệp vụ cơ bản và đấu tranh phát hiện, bắt giữ vi phạm

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục, chế độ hồ sơ của một số biện pháp nghiệp vụ cơ bản và tổ chức kiểm tra, hướng dẫn như: Các Quyết định số 1487/QĐ-TCHQ, số 54/QĐ-TCHQ, công văn số 45/TCHQ-ĐT. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát chuyên sâu cho lực lượng kiểm soát hải quan.

- Ban hành gần 200 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cảnh báo cập nhật các phương thức thủ đoạn mới đối tượng buôn lậu áp dụng cho lực lượng kiểm soát hải quan toàn Ngành.

- Triển khai các Kế hoạch, chuyên đề, chuyên án đấu tranh hiệu quả với các mặt hàng trọng điểm như: ma túy, vũ khí, vàng, ngoại tệ, xăng dầu, quặng, khoáng sản, thuốc lá, đường cát, động vật hoang dã, hàng vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, Công ước Basel,... ; các hiện tượng nóng, nổi cộm....

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 187/2005/QĐ-TTg ngày 22/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án tổng thể kiểm soát ma túy qua biên giới đến năm 2010" và Quyết định 330/QĐ-TTg ngày 17/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án tăng cường năng lực phòng, chống ma túy của ngành Hải quan", Quyết định 165/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 21-CT/TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới.

- Tổ chức huấn luyện và sử dụng chó nghiệp vụ tại 23 Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Kết quả, trong 03 năm từ 01/2008 - 12/2010, toàn Ngành phát hiện bắt giữ 41.860 vụ, trị giá hàng vi phạm ước tính gần 1.243 tỷ đồng. Trong đó có 235 vụ ma túy, thu giữ 102.829,45 g heroin, 10.115,7 g thuốc phiện, 8,8 tấn nhựa cần sa, 14.988 viên ma túy tổng hợp, 47,3 kg chất gây nghiện, 4,8 kg nhựa thuốc phiện, 1,85 kg lá và hoa cần sa và 136.281 viên thuốc gây nghiện, hướng thần.

2.5. Kiểm tra sau thông quan

Tổ chức bộ máy và lực lượng kiểm tra sau thông quan bước đầu được kiện toàn. Các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác kiểm tra sau thông quan đã được ban hành; từng bước áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong công tác kiểm tra sau thông quan. Thông qua các cuộc kiểm tra sau thông quan đã phát hiện những bất cập về cơ chế, chính sách quản lý để kiến nghị sửa đổi, bổ sung. Công tác kiểm tra sau thông quan đã góp phần nâng cao ý thức tuân thủ

pháp luật của doanh nghiệp. Năm 2010 đã tiến hành 837 cuộc kiểm tra (tăng 6,90%), phải truy thu 461,04 tỷ trên, đã thực hiện truy thu 240,03 tỷ đồng.

3. Tổ chức bộ máy, quản lý và phát triển nguồn nhân lực

3.1. Tổ chức bộ máy

- Tham mưu trình Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg quy định chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tổng cục Hải quan. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị Vụ, Cục... thuộc cơ quan Tổng cục, tổ chức bộ máy của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố bước đầu đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hoá.

- Thành lập bộ máy chuyên trách về thực hiện quản lý rủi ro, kiểm soát ma tuý tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trọng điểm. Kiện toàn bộ máy của Trung tâm phân tích phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu, bộ máy làm công tác thanh tra, tài chính tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố...

3.2. Phát triển và quản lý nguồn nhân lực

- Xây dựng và phê duyệt Chiến lược quản lý nguồn nhân lực và Kế hoạch thực hiện trên cơ sở hỗ trợ của Dự án World Bank (WB).

- Bước đầu kiện toàn bộ máy đào tạo của ngành, thành lập Trường Hải quan Việt Nam trên cơ sở Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng công chức hải quan; Tổ chức nhiều khoá đào tạo nghiệp vụ hải quan cơ bản, chuyên sâu, quản lý hành chính, chính trị; Tổ chức nhiều lớp đào tạo cho cán bộ công chức hải quan phục vụ triển khai TTHQĐT; Phối hợp các bên liên quan (Học viện Tài chính, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội doanh nghiệp...) đào tạo cho doanh nghiệp. Từng bước hình thành được lực lượng giảng viên có chất lượng.

4. Cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật; công nghệ thông tin và thống kê hải quan

4.1. Hiện đại hoá cơ sở vật chất

- Hiện tại, Hải quan Việt Nam đã được các tổ chức Quốc tế tài trợ hiện vật 03 máy soi container: 02 máy soi container do JICA Nhật Bản tài trợ: 01 máy tại Cảng Cát Lái TP. Hồ Chí Minh đã đưa vào hoạt động từ ngày 01/6/2010, 01 máy tại Hải Phòng đưa vào hoạt động vào tháng 5/2011. 01 máy soi container tại Lao Bảo trong dự án cho các nước tiểu vùng sông MeKong GMS, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong năm 2011.

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều chỉnh quy hoạch đầu tư xây dựng hệ thống trụ sở làm việc đến năm 2015; Xây dựng hệ thống định mức công sở làm việc theo mô hình quản lý hải quan hiện đại (diện tích làm việc, diện tích bố trí máy móc thiết bị, diện tích dùng cho giao dịch, hội họp...).

4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê hải quan

- Đầu tư các trang thiết bị CNTT đáp ứng cơ bản các yêu cầu mở rộng TTHQĐT theo Quyết định 103 cũng như các công tác nghiệp vụ khác trong ngành. Lắp đặt, nâng cấp hạ tầng mạng WAN, LAN trong toàn ngành phục vụ kết nối, trao đổi thông tin giữa Chi cục, Cục và Tổng cục. Nâng cấp các Trung tâm dữ liệu của các Cục Hải quan và Tổng cục đảm bảo an ninh, an toàn, hoạt động ổn định; Nâng cấp và phát triển mới các hệ thống ứng dụng nghiệp vụ hải quan đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Triển khai Dự án hiện hóa thu NSNN giữa các cơ quan Thuế - Hải quan - Kho bạc - Tài chính;

- Hoàn thiện phương pháp luận thống kê, sử dụng các khái niệm và định nghĩa chuẩn quốc tế trong lĩnh vực thống kê, cụ thể hóa trong Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/08/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Nội dung khác

5.1. Công tác quản lý hành chính

Đã triển khai ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO tại 51 đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, trong đó: 35 đơn vị được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2000 hoặc ISO 9001:2008, 9 đơn vị đang triển khai và 7 đơn vị tiếp tục nghiên cứu và triển khai ở các năm tiếp theo; Tham mưu cải tiến chế độ báo cáo trong ngành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 10/2006/CT-TTg ngày 23/6/2006, kết quả đã giảm 36 loại, tương đương 35% so với trước; Triển khai thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan Tổng cục và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Triển khai rộng rãi trong toàn Ngành hệ thống "Quản lý văn bản và điều hành qua mạng NET.Office" giúp hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản từ năm 2003 đến nay phục vụ công tác tra cứu, thực hiện chế độ báo cáo điện tử, tiết kiệm các chi phí in ấn và giảm thời gian báo cáo.

5.2. Quan hệ phối hợp

- Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế với Hải quan các nước có quan hệ kinh tế thương mại lớn với Việt Nam. Ký kết Hiệp định, Thoả thuận hợp tác với hải quan một số nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Lào, Campuchia, Mông Cổ, Belarus, Anh,... nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong công tác trao đổi thông tin phục vụ đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển các chất ma túy

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng chính sách, thủ tục liên quan quản lý nhà nước về hải quan; thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ quan chức năng: Công an, Biên phòng, Quản lý thị trường...;

6. Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở Kế hoạch 456 được ban hành, Tổng cục đã chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố xây dựng Kế hoạch tại đơn vị mình trình Tổng cục phê duyệt và triển khai thực hiện. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan đã xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các Chỉ thị số 04/2008/CT-BTC ngày 15/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh cải cách hiện đại hoá hải quan, phòng chống phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong ngành Hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, Chỉ thị số 02/CT-BTC ngày 04/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hoá ngành Hải quan giai đoạn 2009-2010, và các Kế hoạch kèm theo nhằm cụ thể hoá một số các nội dung cải cách hiện đại hoá, chống phiền hà sách nhiễu. Thường xuyên theo dõi tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch 456, các Chỉ thị 02, chỉ thị 04 phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào việc tổng hợp, đánh giá đã có một số điều chỉnh phù hợp về định hướng trong công tác mở rộng TTHQĐT khắc phục các tồn tại, vướng mắc của giai đoạn trước.

- Kiện toàn bộ máy chuyên trách, bộ máy phối hợp để triển khai các hoạt động cải cách hiện đại hoá tại các đơn vị trong ngành, đảm bảo phát huy nguồn lực để thực hiện kế hoạch.

II. Tồn tại và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

- Đối chiếu với mục tiêu chung của Hải quan Việt Nam đến năm 2010 đặt ra tại Kế hoạch 456, kết quả thực hiện trong toàn ngành còn có nhiều điểm chưa đạt, cụ thể: mức độ tự động hoá của hệ thống xử lý dữ liệu hải quan còn thấp và chưa tập trung xử lý tại cấp Cục, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại tại một số địa bàn trọng điểm theo Kế hoạch 456 chậm được trang bị, các điều kiện tiền đề cho việc thay đổi phương thức quản lý nhân sự hiện đại còn chưa bền vững...

- Một số mục tiêu cụ thể tại các Chương trình kèm theo Kế hoạch 456 chưa đạt, cụ thể trong các lĩnh vực thông quan hàng hoá, phân loại áp mã hàng hoá, hiện đại hoá trang thiết bị kỹ thuật, quản lý nguồn nhân lực... Một số các chỉ tiêu cụ thể gắn với từng mục tiêu đặt ra trong các chương trình chưa đạt được, cụ thể: tiếp nhận thông tin lược khai điện tử, kiểm tra thực tế hàng hoá bằng máy soi container, khai hải quan thông qua đại lý, kết nối trao đổi thông tin điện tử với các Bộ, ngành và các bên liên quan...

- Một số các hoạt động đặt ra tại các chương trình kèm theo Kế hoạch 456 chưa được thực hiện hoặc chưa hoàn thành theo kế hoạch, cụ thể: thực hiện tiếp nhận trước thông tin điện tử về hành khách, hàng hoá với các cơ quan liên quan, thông quan trước khi hàng đến đối với các doanh nghiệp có độ tuân thủ cao, xây

dựng hệ thống đại lý hải quan, phân loại hàng hoá trước khi nhập khẩu, trang bị hệ thống máy soi, camera, thực hiện một số hoạt động thuộc dự án WB... (đánh giá chi tiết các hoạt động theo từng chương trình tại các Phụ lục đính kèm).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tại một số nơi còn chưa quyết liệt, chưa bám sát các nội dung chương trình kế hoạch đề ra. Nhiều đơn vị chưa quan tâm tới công tác báo cáo, tổng hợp thông tin gây khó khăn trong việc theo dõi, điều phối tình hình thực hiện trong toàn ngành.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Khối lượng công việc đặt ra trong Kế hoạch 456 là rất lớn, mục tiêu đặt ra cao so với khả năng thực hiện trong toàn ngành. Việc xây dựng kế hoạch của Tổng cục cũng như của các Vụ, Cục và Cục Hải quan địa phương còn dàn trải, ôm đồm và chưa thật sát với năng lực thực hiện, chưa lường hết những khó khăn, vướng mắc, chậm trễ trong các thủ tục hành chính làm cản trở việc tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ;

- Việc chỉ đạo, điều hành của một bộ phận lãnh đạo các cấp còn thiếu cương quyết, sát sao. Nhận thức của nhiều cán bộ công chức trong ngành về công tác cải cách hiện đại hoá còn hạn chế, thiếu chủ động trong việc đề xuất các biện pháp để thực hiện kế hoạch. Một số các hoạt động bị ảnh hưởng bởi việc giải quyết các thủ tục từ phía các cơ quan chức năng làm chậm tiến độ. Mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong ngành trong việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hiện đại hoá còn nhiều hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách được giao nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo thực hiện kế hoạch từ Tổng cục tới các Cục Hải quan tỉnh, thành phố còn thiếu kỹ năng về quản lý điều hành một kế hoạch cải cách lớn.

- Công tác thông tin tuyên truyền về cải cách, hiện đại hoá còn phiến diện. Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự tích cực ủng hộ và tham gia nhiệt tình vào các hoạt động cải cách, hiện đại hoá của ngành.

3. Bài học rút ra từ việc triển khai Kế hoạch cải cách hiện đại hoá

- Quyết tâm chính trị của đội ngũ lãnh đạo chủ chốt trong ngành được chuyển hoá thành các biện pháp chỉ đạo điều hành cụ thể, liên tục, quyết liệt đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc tổ chức triển khai kế hoạch, bám sát chương trình mục tiêu đặt ra, tìm kiếm các biện pháp khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền tại địa phương, sự phối hợp của các Ban, ngành tại địa bàn, sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách, hiện đại hoá. Thống nhất về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ hải quan các cấp, đặc biệt tại cấp thực hiện trong quá trình triển khai các hoạt động cải cách, hiện đại hoá.

- Công tác lập kế hoạch cần sát với thực tiễn, đặt ra các mục tiêu phù hợp với nguồn lực trong ngành cũng như mức độ phát triển của các cơ quan có liên quan. Các hoạt động đặt ra trong kế hoạch cần rõ ràng, có trọng tâm, trọng điểm, có mục tiêu cụ thể có thể lượng hoá được, xác định rõ đơn vị chịu trách nhiệm và các đơn vị phối hợp, có sự phân công rõ ràng giữa nhiệm vụ của Tổng cục và nhiệm vụ của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Trong quá trình thực hiện cần thường xuyên theo dõi, đôn đốc, đánh giá, tổng kết những tồn tại, vướng mắc để có quyết sách điều chỉnh phù hợp, kịp thời.

- Cần có sự gắn kết chặt chẽ trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách, hiện đại hoá với các nhiệm vụ thường xuyên của ngành, thể hiện trong quá trình lập các kế hoạch công tác chung cũng như chỉ đạo các chương trình, đề án cụ thể.

- Cần gắn kết việc đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hiện đại hoá của từng đơn vị, từng cá nhân trong đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ, công tác và đánh giá thi đua. Có cơ chế khen thưởng, kỷ luật kịp thời;

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức trong xã hội, các đối tác hoạt động của Hải quan, cộng đồng doanh nghiệp, người dân hiểu đúng về công tác cải cách, hiện đại hoá hải quan nhằm xây dựng môi quan hệ hợp tác có hiệu quả.

PHẦN 2

GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU

I. Mục tiêu thực hiện kế hoạch và các nhiệm vụ trọng tâm

1. Mục tiêu tổng quát của Hải quan Việt Nam đến năm 2020

Xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, có cơ chế, chính sách đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hoà đạt chuẩn mực quốc tế, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Xây dựng lực lượng Hải quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu có trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả góp phần tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại hợp pháp, phát triển du lịch, thu hút đầu tư nước ngoài, đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Nhiệm vụ trọng tâm cải cách, phát triển và hiện đại hoá giai đoạn 2011-2015

a. Thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo các nội dung sau: Triển khai việc tiếp nhận, xử lý thông tin lược khai hàng hoá điện tử (e-Manifest); Xử lý dữ liệu thông quan điện tử (e-Clearance); Thực hiện thanh toán thuế, lệ phí hải quan bằng phương thức điện tử (e-Payment); Tiếp nhận, trao đổi thông tin giấy phép và C/O điện tử (e-C/O và e-Permit) với các cơ quan liên quan.

b. Triển khai Đề án Quản lý rủi ro, trong đó trọng tâm vào việc nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro cả trước, trong và sau thông quan.

c. Xây dựng các địa điểm kiểm tra hàng hoá tập trung tại các địa bàn trọng điểm (cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ quốc tế, các khu kinh tế trọng điểm) theo quy hoạch được duyệt; đầu tư hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác kiểm tra giám sát (máy soi container, máy soi hành lý, hệ thống camera giám sát, bộ công cụ hỗ trợ...).

d. Triển khai chương trình Doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và điều kiện đặc thù của Việt Nam.

e. Xây dựng và vận hành hệ thống Chỉ số đánh giá hoạt động của ngành.

II. Nội dung kế hoạch

1. Thể chế

1.1. Mục tiêu

Khuôn khổ pháp lý hải quan về cơ bản bảo đảm đầy đủ, đồng bộ, nội luật hoá các chuẩn mực quốc tế theo lộ trình cam kết, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, bổ sung những quy định của pháp luật quốc gia phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý của hải quan nhằm phục vụ cải cách, hiện đại hoá hải quan theo

"Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

1.2. Nội dung

Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005, tạo khuôn khổ pháp lý để thực hiện thống nhất thủ tục hải quan truyền thống và thủ tục hải quan điện tử, đẩy mạnh việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về hải quan tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tiếp tục cải cách, đơn giản hoá thủ tục hải quan theo Đề án 30, tạo tiền đề xây dựng Luật Hải quan mới thay thế cho Luật Hải quan hiện hành.

Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới lĩnh vực hải quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với việc ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định 154.

Xây dựng trình Quốc hội ban hành Luật Hải quan mới và các văn bản hướng dẫn thi hành để hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về hải quan theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, của đất nước và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1.3. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 1)

2. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan

2.1. Mục tiêu

Đến năm 2015, về cơ bản các thủ tục và chế độ quản lý hải quan được đơn giản, hài hòa, tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử tại các địa bàn trọng điểm; áp dụng cơ chế doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt về thủ tục và an ninh theo các chuẩn mực của WCO, áp dụng quản lý rủi ro một cách hệ thống trong các khâu nghiệp vụ hải quan; từng bước áp dụng xử lý dữ liệu thông quan tập trung tại cấp Cục Hải quan từ năm 2012; thực hiện cơ bản cơ chế một cửa hải quan quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN; thời gian giải phóng hàng trung bình đối với hàng hoá nhập khẩu đạt mức tiên tiến so với các nước trong khu vực. Đảm bảo thực hiện thống nhất thủ tục hải quan truyền thống và điện tử. Áp dụng các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại trong kiểm tra, giám sát hải quan.

Một số mục tiêu cụ thể

- Về thực hiện TTHQĐT:

+ 100% các Cục Hải quan, 100% các Chi cục Hải quan tại các địa bàn trọng điểm (cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ quốc tế, các khu kinh tế trọng điểm), 60% các loại hình hải quan cơ bản, 70% kim ngạch xuất nhập khẩu, 60% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử;

+ Bảo đảm 90-95% thu nộp thuế, lệ phí bằng phương thức điện tử.

+ Tỷ lệ các giấy phép xuất nhập khẩu thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia đến 2015 là 50%.

+ Thời gian thông quan hàng hoá bằng thời gian thông quan trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại thời điểm 2010. Theo đó, thời gian thông quan: Luồng xanh: thông quan ngay khi hệ thống chấp nhận nội dung khai hải quan: khoảng 15 phút; Luồng vàng: thông quan sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, thời gian thông quan khoảng 60 phút; Luồng đỏ: Kiểm tra thủ công từ 1 giờ đến 2 giờ.

- Thời gian kiểm tra thực tế hàng hoá: Kiểm tra qua máy soi container: 3-5 phút; Kiểm tra thủ công kết hợp kiểm tra qua máy soi container: 30- 60 phút.

- Chuẩn hóa danh mục đối với tất cả hàng hóa quản lý chuyên ngành theo mã số HS, dưới dạng dữ liệu điện tử; Việc kiểm tra chính sách mặt hàng thực hiện chủ yếu trên hệ thống (trừ trường hợp khai thủ công);

- Tỷ lệ các giấy phép xuất nhập khẩu thực hiện trong cơ chế Một cửa hải quan quốc gia đạt 50%;

- Tỷ lệ kiểm tra chi tiết hồ sơ tối đa 15% tổng số tờ khai; Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá dưới 10% tổng số tờ khai; Tỷ lệ các lô hàng được xác định kiểm tra thực tế hàng hoá trên cơ sở phân tích đánh giá rủi ro đạt 60%.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế hợp tác giữa cơ quan Hải quan với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội ngành nghề và với các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

- Toàn bộ hoạt động giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan tại các cửa khẩu trọng điểm và tuyến đường vận chuyển quan trọng được thực hiện chủ yếu bằng phương tiện kỹ thuật (camera, vệ tinh định vị, seal điện tử và phương tiện kỹ thuật khác).

2.2. Nội dung

- Hoàn thiện các quy định về thủ tục hải quan nhằm: đơn giản về hồ sơ và thủ tục; giảm các khâu, bước trong thủ tục;

- Xây dựng và ban hành các cơ chế quản lý, quy trình thủ tục đầy đủ cho các chế độ quản lý hải quan cụ thể về: Nhập khẩu và xuất khẩu; Quản lý kho ngoại quan, khu chế xuất và các khu vực tự do thuế quan; Các chế độ tạm; Các thủ tục về quá cảnh, chuyển tải; Các thủ tục đối với hành khách xuất nhập cảnh, bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh; Thủ tục và chế độ quản lý phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh... Đảm bảo các chế độ hải quan đơn giản, hài hoà và tuân thủ các quy định của Công ước Kyoto sửa đổi và các chuẩn mực khác của WCO.

- Chuyển đổi mạnh mẽ phương thức thực hiện thủ tục hải quan từ phương thức thủ công sang phương thức điện tử trên cơ sở áp dụng đầy đủ e-Manifest, e-

Clearance, e-Payment, e-Permits, e-C/O; từng bước áp dụng mô hình xử lý dữ liệu điện tử thông quan tập trung.

- Hoàn thiện cơ chế phán quyết trước và các cơ chế tự khai, tự chịu trách nhiệm của các đối tượng thực hiện thủ tục hải quan.

- Áp dụng rộng rãi kỹ thuật quản lý rủi ro cả trước, trong và sau thông quan;

- Áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt cho các doanh nghiệp có độ tuân thủ cao, các quy định về can thiệp bằng ngoại lệ và tuân thủ sau thông quan.

- Phát triển hoạt động của đại lý hải quan; Các quy định ràng buộc trách nhiệm giữa các bên liên quan; Các chế tài xử lý khi có vi phạm...

- Áp dụng các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại trong kiểm tra, giám sát hải quan.

2.3. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 2)

3. Quản lý thuế

3.1. Mục tiêu

Nâng cao trình độ, năng lực quản lý thuế của Hải quan Việt Nam ngang tầm với các nước trong khu vực. Đảm bảo quản lý thuế công bằng, minh bạch, khả thi, hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế. Bảo đảm quyền lợi, tận dụng tối đa lợi thế, hạn chế bất lợi trong quá trình hội nhập. Đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3.2. Nội dung

Hiện đại hoá công tác theo dõi, quản lý thu nộp thuế trên cơ sở hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, thông tin liên quan tới công tác quản lý thuế, hoàn thiện các cơ chế chính sách, quy trình thủ tục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai các dự án trao đổi thông tin, đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế trong việc thực hiện pháp luật về thuế; một số nội dung cụ thể như sau:

- Sửa các quy định về thủ tục quản lý thuế để thống nhất với các quy định về thủ tục hải quan và các chế độ quản lý hải quan cụ thể;

- Sửa quy định về ân hạn thuế để hạn chế tình trạng chây ỳ, nợ thuế;

- Bổ sung cơ chế bảo lãnh cho phù hợp với chuẩn mực quốc tế; minh bạch, thống nhất các chế độ ưu đãi thuế; Sửa các quy định về giá tính thuế để thực hiện đầy đủ Hiệp định trị giá GATT, xây dựng cơ chế kiểm tra phù hợp để ngăn chặn tình trạng gian lận qua giá; Sửa đổi hoàn thiện danh mục biểu thuế để thực hiện phân loại hàng hoá theo đúng nguyên tắc phân loại chung của tổ

chức hải quan thế giới; Bổ sung các quy định thực hiện thanh toán thuế bằng phương thức điện tử.

Một số mục tiêu cụ thể:

- Số trường hợp nợ và số thuế nợ hàng năm phát sinh giảm 20% so với năm trước (năm 2010); kể từ năm 2011, giảm 10% mỗi năm.

- Mỗi năm thu được 20%-25% số thuế còn nợ các năm trước chuyển sang.

- Giảm thiểu số thuế nợ không có khả năng thu cho NSNN 20% mỗi năm so với năm trước, giảm thiểu các trường hợp cưỡng chế thuế.

- Sửa Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo hướng giảm các mức thuế: năm 2011: 25 mức; năm 2012: 20 mức; năm 2013: 15 mức; năm 2014: 10 mức; năm 2015: 5 mức.

3.3. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 3)

4. Kiểm soát hải quan

4.1. Mục tiêu

Công tác kiểm soát hải quan góp phần hiệu quả vào việc bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn sức khoẻ cộng đồng, chống thất thu thuế, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, đảm bảo thực hiện tuân thủ chính sách của nhà nước đối với các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

4.2. Nội dung

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực hiện công tác kiểm soát hải quan bao gồm: rà soát, sửa đổi, bổ sung các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm soát hải quan để thực hiện công tác điều tra, xử lý...; hoàn thiện, chuẩn hoá các quy trình, quy chế liên quan tới công tác kiểm soát hải quan.

- Hiện đại hoá hệ thống thu thập thông tin nghiệp vụ phục vụ cho công tác kiểm soát hải quan. Áp dụng rộng rãi kỹ thuật quản lý rủi ro đối với các hoạt động nghiệp vụ hải quan; hình thành hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan tập trung, hiện đại, chất lượng cao.

- Hiện đại hoá cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác kiểm soát hải quan.

- Tổ chức thực hiện có chuyên nghiệp, chuyên sâu đối với công tác nghiệp vụ cơ bản, đấu tranh có trọng điểm đối với buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới các mặt hàng cấm, ma tuý, tiền chất, vũ khí, chất nổ, các tài liệu có nội dung xấu... Triển khai hiệu quả các biện pháp cần thiết, thực hiện các cam kết quốc tế trong công tác phòng chống khủng bố, rửa tiền, thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan, hợp tác hải quan về kiểm soát chung.

4.3. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 4)

5. Kiểm tra sau thông quan

5.1. Mục tiêu

Đến năm 2015, công tác kiểm tra sau thông quan về cơ bản đạt trình độ chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu quả, dựa trên nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro; quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; phân loại được các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; kiểm soát được các doanh nghiệp, loại hình, mặt hàng xuất nhập khẩu có rủi ro cao.

Một số mục tiêu cụ thể:

- Hoạt động kiểm tra sau thông quan thực hiện theo thông lệ phổ biến của Hải quan các nước là Kiểm toán sau thông quan (PCA).

- Kiểm tra sau thông quan thay thế dần kiểm tra trong thông quan, đến 2015, hoạt động kiểm tra của hải quan chủ yếu là kiểm tra sau thông quan.

- Hình thành cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp đủ để phân loại được mức độ rủi ro của các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu thường xuyên, doanh nghiệp có kim ngạch xuất nhập khẩu trung bình trở lên.

- Mỗi năm kiểm tra đánh giá được sự tuân thủ của khoảng 5% các doanh nghiệp.

- Chính thức áp dụng chế độ doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt trong quản lý nhà nước về hải quan.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống chỉ số đo lường trong hoạt động kiểm tra sau thông quan để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra sau thông quan.

- Quy trình kiểm tra sau thông quan đầy đủ, tương đối chuẩn mực trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Biên chế lực lượng kiểm tra sau thông quan đạt 10% biên chế của ngành. Cán bộ, công chức kiểm tra sau thông quan đáp ứng yêu cầu chuyên sâu về trình độ, chuyên nghiệp trong hoạt động nghiệp vụ.

5.2. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 5)

6. Xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hoạt động của ngành

6.1. Mục tiêu

Xây dựng và triển khai hệ thống chỉ số để đánh giá hiệu quả hoạt động của toàn ngành cũng như của các đơn vị hải quan trong ngành đối với một số lĩnh vực cơ bản.

6.2. Nội dung

- Hoàn thiện phương pháp luận về công tác chỉ số đo lường hoạt động.

- Xây dựng hệ thống các chỉ số, xây dựng và ban hành các quy trình về thu thập và phân tích, xử lý dữ liệu, tổ chức tập huấn cho các đơn vị trong ngành để có thể tiến hành đo lường chỉ số hoạt động trong một số lĩnh vực cơ bản như: kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thuế, kiểm tra sau...

- Hàng năm tiến hành đo lường chỉ số hoạt động đối với các lĩnh vực đề ra.

- Trên cơ sở kết quả đo lường, tham mưu, đề xuất xử lý những vấn đề bất cập liên quan tới cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ.

6.3. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 6)

7. Tổ chức bộ máy, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

7.1. Mục tiêu

- Tổ chức bộ máy ngành Hải quan được thiết kế, tổ chức lại đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiện đại dựa trên mô hình thủ tục hải quan điện tử, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, xử lý dữ liệu thông quan tập trung, áp dụng toàn diện kỹ thuật quản lý rủi ro và sử dụng tối đa, có hiệu quả các trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại.

- Bước đầu ứng dụng phương thức quản lý nguồn nhân lực mới dựa trên mô tả chức danh công việc.

- Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức Hải quan nắm vững đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có chuyên môn nghiệp vụ chuyên nghiệp, chuyên sâu từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiện đại.

Chỉ tiêu cụ thể:

- Quản lý nguồn nhân lực

+ Đến năm 2015, các hoạt động phân tích công việc, xây dựng mô tả chức danh công việc chung, cá nhân được triển khai trong toàn ngành Hải quan và trở thành hoạt động thường xuyên của từng đơn vị.

+ Đến năm 2015, 100% cán bộ, công chức Hải quan xác định được các yêu cầu cần đào tạo, bồi dưỡng bổ sung thông qua hoạt động rà soát, đánh giá toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức trên cơ sở hồ sơ năng lực kèm theo các bản mô tả chức danh công việc.

+ Đến năm 2015, bước đầu triển khai ứng dụng các bảng mô tả chức danh công việc trong bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, công chức tại các Cục Hải quan trọng điểm.

+ Đến năm 2015, 50% cán bộ, công chức thuộc các Cục Hải quan trọng điểm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh công việc trước khi được bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển vào vị trí mới.

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

+ Xây dựng được một cơ sở đào tạo chính quy, hiện đại được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác dạy và học;

+ Đến năm 2015 hình thức đào tạo trực tuyến một số môn nghiệp vụ Hải quan chủ yếu được triển khai tại cơ quan Tổng cục và tất cả các Cục Hải quan trọng điểm đáp ứng yêu cầu đào tạo tự xa, tự đào tạo và đào tạo tại chỗ.

+ Đến 2015, 80% các cán bộ, công chức công tác tại những vị trí đòi hỏi phải có trình độ ngoại ngữ được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng theo yêu cầu của chức danh công việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

+ Đến 2015 xây dựng được một đội ngũ giáo viên, giảng viên đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo về cải cách và hiện đại hoá của ngành.

+ Đến năm 2015, 80% cán bộ, công chức làm công tác tham mưu và thực thi chính sách thuộc cơ quan Tổng cục và các Cục Hải quan trọng điểm được đào tạo trình độ chuyên môn nghiệp vụ sâu, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu chức danh công việc.

7.2. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 7)

8. Công nghệ thông tin và thống kê hải quan

8.1. Mục tiêu

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hải quan tích hợp đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ và thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng xử lý dữ liệu điện tử tập trung trên mô hình kiến trúc theo hướng dịch vụ, đóng vai trò cốt lõi của hệ thống công nghệ thông tin thuộc cơ chế một cửa quốc gia; phát triển và duy trì hoạt động ổn định của hạ tầng truyền thông, kết nối các đơn vị trong ngành hải quan và với các cơ quan có liên quan, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về băng thông và khả năng dự phòng.

Mục tiêu cụ thể đến 2015

a. Hình thành hệ thống CNTT hải quan với 05 thành phần cơ bản bao gồm:

(i) e-Manifest: tiếp nhận và xử lý thông tin hàng hóa đi/hàng hóa đến/hàng hóa quá cảnh.

(ii) e-Clearance: tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ thông quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu/quá cảnh.

(iii) e-Permits: trao đổi và xử lý thông tin cấp phép/chứng từ phục vụ cho việc ra quyết định của cơ quan Hải quan trong thông quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu/quá cảnh trong khuôn khổ Cơ chế một cửa quốc gia.

(iv) e-C/O: trao đổi và xử lý thông tin xuất xứ hàng hóa phục vụ hội nhập khu vực và quốc tế trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do/ưu đãi thuế quan đa phương/song phương trong khuôn khổ Cơ chế một cửa quốc gia.

(v) e-Payment: thanh toán thuế/phí/lệ phí và các khoản thu khác của cơ quan Hải quan dưới hình thức thanh toán điện tử thông qua việc kết nối và trao đổi thông tin với hệ thống các ngân hàng thương mại và các cơ quan liên quan khác trong khuôn khổ Cơ chế một cửa quốc gia.

(vi) Các ứng dụng thành phần khác phục vụ các chế độ quản lý hải quan đặc thù và thống kê nhà nước về hải quan.

b. Hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản hỗ trợ cho hệ thống CNTT hải quan bao gồm:

(i) Cơ sở dữ liệu thông tin tình báo và quản lý tuân thủ (quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan).

- (ii) Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan.
- (iii) Cơ sở dữ liệu quản lý thuế.
- (iv) Cơ sở dữ liệu quốc gia về hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phục vụ thống kê nhà nước về hải quan.
- (v) Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa.
- (vi) Các cơ sở dữ liệu tham chiếu khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan.

c. Hình thành Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử tập trung trực thuộc Tổng cục Hải quan được trang cấp đầy đủ máy móc, phần mềm hệ thống và các thiết bị phụ trợ đảm bảo tính sẵn sàng, tính kịp thời, khả năng mở rộng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ cũng như an ninh, an toàn dữ liệu. Sẵn sàng triển khai các nội dung liên quan đến cấu phần hải quan trong khuôn khổ triển khai Trung tâm dữ liệu dự phòng thuộc Bộ Tài chính.

d. Đảm bảo cung cấp thông tin các dịch vụ hành chính công cho Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dịch vụ hành chính công

e. Cung cấp thông tin từ các cơ sở dữ liệu ngành Hải quan vào cơ sở dữ liệu tài chính Quốc gia theo kế hoạch cụ thể từng giai đoạn của Bộ Tài chính

g. Phát triển các ứng dụng để khai thác dữ liệu sẵn có hỗ trợ lãnh đạo trong việc ra quyết định

8.2. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 8)

9. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

9.1. Mục tiêu

Tiếp tục triển khai thực hiện và đẩy nhanh công tác mua sắm, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại nhằm phục vụ yêu cầu công tác quản lý của ngành. Đầu tư trang bị đồng bộ về máy soi container, hệ thống camera giám sát, cân điện tử, kho bãi chờ kiểm tra, bãi chờ kết quả, nhà kiểm tra thủ công và các trang thiết bị chuyên dụng khác tại địa điểm kiểm tra hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tập trung. Thực hiện đề án trang bị tàu thuyền cho lực lượng kiểm soát chống buôn lậu trên biển sau khi được Bộ Tài chính phê duyệt.

Đảm bảo đến năm 2020 trụ sở làm việc và giao dịch của các đơn vị hải quan được đầu tư đồng bộ, cơ bản đảm bảo diện tích và điều kiện làm việc theo các quy định của Nhà nước, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý của ngành.

Theo quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở làm việc của ngành hải quan đã được Bộ phê duyệt thì tổng số danh mục đầu tư XD CB trong quy hoạch đến năm 2015 gồm 233 công trình, với nhu cầu vốn là 5.044 tỷ đồng.

Một số mục tiêu cụ thể

+ 100% cảng biển, sân bay và đường bộ quốc tế được trang bị hệ thống soi chiếu hàng hoá và hành lý, hệ thống giám sát bằng camera và các thiết bị hỗ trợ khác;

+ 100% các địa bàn trọng điểm được xây dựng địa điểm kiểm tra hàng hoá tập trung với đầy đủ trang thiết bị phục vụ kiểm tra giám sát hàng hoá.

+ Xây dựng các phòng thí nghiệm hải quan đạt tiêu chuẩn VILAS.

9.2. Các hoạt động và lộ trình

(Chi tiết tại Phụ lục số 9)

10. Các nội dung khác

- Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm hỗ trợ và thúc đẩy mạnh mẽ quá trình cải cách hiện đại hóa đặc biệt xây dựng hệ thống tự động hóa quy trình thủ tục hải quan, áp dụng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về nghiệp vụ và quản lý hải quan. Đồng thời, tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với hải quan các nước là đối tác kinh tế thương mại quan trọng của Việt Nam.

- Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách pháp luật, các quy trình thủ tục hải quan; tranh thủ sự phối hợp, đồng tình của các tổ chức, cá nhân trong thực thi pháp luật hải quan.

- Xây dựng và thực hiện thống nhất mô hình hệ thống quản lý chất lượng.

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai chương trình quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp theo các nội dung chủ yếu sau: xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phản biện xã hội đối với các chính sách, văn bản pháp luật, quy trình thủ tục hải quan; xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi, đánh giá của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về việc thực thi pháp luật hải quan; từng bước áp dụng các chuẩn mực, khuyến nghị quốc tế trong phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp.

*** Các hoạt động và lộ trình**

(Chi tiết tại Phụ lục số 10)

PHẦN 3

TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Văn phòng Bộ, Vụ Chính sách thuế, Vụ Pháp chế, Vụ Ngân sách nhà nước, Vụ Tài vụ Quản trị, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Tin học và Thống kê tài chính và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Hải quan trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm bảo đảm đồng bộ với chương trình hiện đại hoá ngành Tài chính, bố trí đủ nguồn kinh phí thực hiện và phối hợp thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

2. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm:

- Tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này đến các cấp lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công chức hải quan trong Ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan để thực hiện có hiệu quả;

- Cụ thể hóa, cập nhật, điều chỉnh mục tiêu, hoạt động hàng năm thực hiện định hướng đề ra cho phù hợp với điều kiện triển khai; điều phối các hoạt động để thực hiện tốt Kế hoạch; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị Hải quan các cấp thực hiện Kế hoạch này, hàng năm tổng hợp tình hình báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch này;

- Định kỳ tiến hành việc sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch này, kịp thời động viên khuyến khích các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời chỉ ra những tồn tại yếu kém để khắc phục.

PHỤ LỤC
HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH
CẢI CÁCH, PHÁT TRIỂN VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ HẢI QUAN GIAI ĐOẠN 2011-2015

Phụ lục 1. Thể chế

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
1.	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 154/2005/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.	2011-2012	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị thuộc TCHQ	80
2.	Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật Hải quan sửa đổi	2013-2015	TCHQ (Vụ Pháp chế)	Các đơn vị trong và ngoài Ngành	300
3.	Xây dựng Nghị định Sửa đổi, bổ sung Nghị định 107/2002/NĐ-CP quy định phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; quan hệ phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan.	2011	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị trong và ngoài Ngành	80
4.	Xây dựng Nghị định Sửa đổi, bổ sung Nghị định 66/2002/NĐ-CP quy định về định mức hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế.	2012-2015	TCHQ (Cục GSQL)	Các đơn vị thuộc TCHQ	80
5.	Xây dựng Nghị định Sửa đổi, bổ sung Nghị định 06/2003/NĐ-CP quy định về việc phân loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.	2012-2015	TCHQ (Cục Thuế)	Các đơn vị thuộc TCHQ	80

6.	Xây dựng Nghị định Sửa đổi, bổ sung Nghị định 97/2007/NĐ-CP quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 97/2007/NĐ-CP.	2011-2013	TCHQ (Vụ PC)	Các đơn vị thuộc TCHQ	80
7.	Xây dựng Quyết định sửa đổi Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính	2013-2015	TCHQ (Vụ TCCB)	Các đơn vị thuộc TCHQ	80
8.	Xây dựng Nghị định Sửa đổi, bổ sung Nghị định 40/2007/NĐ-CP quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.	2012-2015	TCHQ (Cục Thuế)	Các đơn vị thuộc TCHQ	
9.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý nợ thuế: - Tham gia phối hợp sửa đổi Luật Quản lý thuế - Rà soát, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2006/TT-BTC và Thông tư 121/2007/TT-BTC	2011-2015 2012-2013	TCHQ (Cục Thuế)	Bộ Tài chính, các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
10.	Đề án tuý viên Hải quan	2011	TCHQ (Vụ HTQT)	Các đơn vị thuộc TCHQ	20
11.	Đề án thí điểm hoàn thuế GTGT cho khách du lịch là người nước ngoài mua hàng hoá tại Việt Nam khi xuất cảnh	2011	TCHQ (Cục Thuế)	Các đơn vị thuộc TCHQ	20
12.	Rà soát, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	2012-2015	TCHQ (Vụ Pháp chế)	Các đơn vị trong và ngoài Ngành	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

Tổng kinh phí đề xuất: 900 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2011: 160 triệu đồng;
- Năm 2012: 50 triệu đồng;
- Năm 2013: 150 triệu đồng;
- Năm 2014: 200 triệu đồng;
- Năm 2015: 340 triệu đồng.

Phụ lục 2. Thủ tục hải quan

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
13.	Đơn giản hóa, hài hòa hóa thủ tục hải quan phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế + Chuẩn hoá các chế độ quản lý hải quan phù hợp với các quy định tại Công ước Kyoto sửa đổi + Xây dựng các quy trình quản lý hải quan đầy đủ đối với các loại hình cảng biển, sân bay, cửa khẩu đường bộ, đường sắt quốc tế, khu vực phi thuế quan, chuyên phát nhanh, bưu chính... + Xây dựng các quy trình thủ tục thống nhất cho thủ tục hải quan truyền thống và thủ tục hải quan điện tử; + Chuẩn hoá hệ thống chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan; chuẩn hoá hệ thống danh mục sử dụng trong thủ tục hải quan. Điện tử hoá hệ thống chứng từ phù hợp với áp dụng TTHQĐT và thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN. + Phối hợp cùng các Bộ Ngành xây dựng,	2011-2015 2011-2015 2011-2012 2011-2015 2011-2012	TCHQ (Cục GSQL, Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

	cập nhật và chuẩn hoá danh mục đối với tất cả hàng hoá quản lý chuyên ngành theo mã số (HS), dưới dạng dữ liệu điện tử đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia để dùng chung.				
14.	<p>Áp dụng rộng rãi và hiệu quả việc thực hiện thủ tục hải quan cũng như công tác quản lý hải quan bằng phương thức điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp tục triển khai mở rộng thủ tục hải quan điện tử theo Quyết định 103 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng kết, đánh giá và nhân rộng trong toàn ngành. + Xây dựng và đưa vào triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin hàng hoá (e-Manifest); Triển khai xây dựng Triển khai thí điểm + Triển khai, nhân rộng hệ thống thanh toán thuế bằng phương thức điện tử với các ngân hàng thương mại (e-Payment); + Triển khai hệ thống cơ chế một cửa hải quan quốc gia để trao đổi thông tin cấp phép với các Bộ, ngành liên quan (e-Permit) + Tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ thông quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu/quá cảnh (e-Clearance) + Trao đổi và xử lý thông tin xuất xứ hàng hóa phục vụ hội nhập khu vực và quốc tế trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do/ưu đãi thuế quan đa phương/song phương trong khuôn khổ Cơ chế một cửa quốc gia (e-C/O) 	<p>2011-2012</p> <p>2011 2012 và các năm tiếp theo 2011-2015</p> <p>2011-2012 Và các năm tiếp theo 2011-2015</p> <p>2011-2012 Và các năm tiếp theo</p>	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
15.	Áp dụng Quản lý rủi ro hiệu quả	2011-2015	TCHQ	Các đơn vị có liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

<ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng Kế hoạch tổng thể áp dụng QLRR phù hợp với các quy định của Công ước Kyoto sửa đổi; + Xây dựng và áp dụng hồ sơ rủi ro, hồ sơ đánh giá doanh nghiệp trong theo phân cấp; nâng cấp thuật toán và kỹ thuật phân tích, đánh giá rủi ro; xây dựng hệ thống theo dõi, đo lường, đánh giá tuân thủ thương mại... + Xây dựng được các kho dữ liệu thông tin quan trọng để sử dụng chung thuộc các lĩnh vực GSQL, KTTT, KTSTQ, ĐTCBL; + Xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ quản lý rủi ro; + Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý rủi ro, áp dụng cả trước, trong và sau thông quan; + Chuẩn hoá, nâng cao chất lượng các khâu nghiệp vụ trong quy trình quản lý rủi ro; + Kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực của hệ thống đơn vị chuyên trách quản lý rủi ro; + Xây dựng, triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật hải quan nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân có liên quan. 	<p>2011- những năm tiếp theo</p>			
<p>16. Áp dụng các trang thiết bị kỹ thuật trong công tác kiểm tra giám sát hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng quy chế vận hành, quy định chức năng, nhiệm vụ của các địa điểm kiểm tra tập trung phù hợp đặc thù của địa phương; + Xây dựng các quy trình chuẩn hoá để thiết kế, trang bị, vận hành hệ thống các trang thiết bị, 	<p>Liên tục</p>	<p>TCHQ (GSQL)</p>		<p>Kinh phí hỗ trợ (NSNN)</p>

	địa điểm kiểm tra tập trung; + Xây dựng quy chế sử dụng, vận hành các trang thiết bị (máy soi container, hệ thống camera giám sát, seal điện tử...).				
17.	Xây dựng và phát triển hệ thống phán quyết trước trong các lĩnh vực kỹ thuật nghiệp vụ như: phân loại hàng hóa, xuất xứ, xác định trị giá theo hướng dẫn của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO).	2013-2015 và các năm tiếp theo	TCHQ (GSQL)	Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành, cơ quan liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

Phụ lục 3. Quản lý thuế

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
18.	Phối hợp sửa đổi Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo hướng giảm bớt các mức thuế, theo lộ trình phù hợp.	2011-2015	TCHQ (Cục Thuế)	Bộ Tài chính	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
19.	Hiện đại hoá công tác theo dõi, quản lý nộp thuế: + Tiếp tục hoàn thiện “Quy chế trao đổi thông tin giữa Tổng cục Hải quan với các ngân hàng thương mại về thu nộp thuế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, phí, lệ phí, các khoản thu khác và bảo lãnh thuế liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của ngân sách nhà nước bằng phương thức điện tử”. + Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người nộp thuế, trị giá tính thuế, danh mục biểu thuế và phân loại hàng hóa, xác định mức thuế.	2011 2011-2015	TCHQ (Cục Thuế)	Bộ Tài chính, các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

	<p>+ Triển khai các dự án kết nối thông tin với một số đơn vị ngoài ngành hải quan: thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật, thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế và giao dịch của các tổ chức, cá nhân nộp thuế.</p> <p>+ Tiếp tục hoàn thiện các quy trình khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế, kế toán thuế, miễn, giảm, hoàn thuế, xác định trị giá, phân loại hàng hoá và dự báo thu NSNN, cơ chế giải quyết tranh chấp về thuế.</p>	2012-2015			
20.	Nâng cấp và chỉnh sửa hệ thống kế toán thuế, theo dõi nợ thuế cho phù hợp với Luật Quản lý thuế	2011 Và các năm tiếp theo	TCHQ (Cục CNTT)	Cục Thuế, Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
21.	Tổ chức tuyên truyền hướng dẫn thực hiện pháp luật thuế hải quan, nâng cao tính tự giác, tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.	Liên tục	TCHQ (Cục Thuế)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

Phụ lục 4. Kiểm soát hải quan

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
22.	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan (sở hữu trí tuệ, phòng chống ma tuý, thông tin tình báo...), áp dụng quản lý rủi ro trong nghiệp vụ kiểm soát hải quan dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.	2011-2015	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị có liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
23.	Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm soát hải quan	2011-2015	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị có liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

24.	Triển khai thống nhất, đồng bộ trong toàn Ngành các biện pháp nghiệp vụ cơ bản theo Quyết định số 65/2004/QĐ-TTg, ngày 19/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của lực lượng hải quan chuyên trách phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới	2011- những năm tiếp theo	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị có liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
25.	Thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan. Tổ chức phối hợp với các chủ sở hữu quyền trong việc trao đổi thông tin, hỗ trợ pháp lý, phương tiện kỹ thuật,...	2011- những năm tiếp theo	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị có liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
26.	Tăng cường năng lực phòng, chống ma túy + Xây dựng chương trình kế hoạch phòng, chống ma túy toàn ngành triển khai chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2011 - 2015. + Hoàn thành xây dựng và triển khai hoạt động Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ phát hiện ma túy, chất nổ ngành Hải quan; nâng cao chất lượng, hiệu quả của đội ngũ huấn luyện viên, chó nghiệp vụ.	2011- những năm tiếp theo	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị có liên quan	15.000 Kinh phí XDCB
27.	Nâng cao hiệu quả phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng trong nước. Tăng cường khả năng hỗ trợ, phối hợp với hải quan các nước trong lĩnh vực kiểm soát. + Ký kết và thực hiện các thoả thuận hợp tác với các hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp về trao đổi thông tin, chống hàng giả, chống phá giá, ... + Duy trì hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kiểm soát hải quan; tích cực tham gia các chương trình kiểm soát của hải quan ASEAN, làm tốt nhiệm vụ thành viên của Văn phòng tình báo hải quan khu vực Châu Á - Thái Bình dương (RILO).	2011 2011- những năm tiếp theo	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị có liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

	+ Xúc tiến hợp tác song phương các cơ quan chuyên trách chống buôn lậu của hải quan quốc tế, các nước có mối quan hệ thương mại lớn với Việt Nam và các nước khu vực.	2011- những năm tiếp theo			
28.	Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống lý luận nghiệp vụ kiểm soát hải quan phục vụ công tác quản lý và đào tạo.	2011- những năm tiếp theo	TCHQ (Cục CBL)	Các đơn vị có liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

Tổng kinh phí đề xuất: 15.000 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2011: 3.000 triệu đồng;
- Năm 2012: 3.000 triệu đồng;
- Năm 2013: 3.000 triệu đồng;
- Năm 2014: 3.000 triệu đồng;
- Năm 2015: 3.000 triệu đồng.

Phụ lục 5. Kiểm tra sau thông quan

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
29.	Xây dựng quyết tâm chính trị của lãnh đạo hải quan các cấp và toàn ngành hải quan chuyển căn bản từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu về hoạt động kiểm tra sau thông quan.	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
30.	Hoàn chỉnh về thể chế: a) Hoàn chỉnh cơ chế hậu kiểm trong lĩnh vực hải quan trong các Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế. b) Hoàn chỉnh quy định của pháp luật về chế	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

	<p>độ Doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt, áp dụng trong thực tế.</p> <p>c) Chuẩn hoá quy trình kiểm tra sau thông quan trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ thông tin.</p>				
31.	Hoàn chỉnh mô hình tổ chức, phân bổ lại nguồn lực của hệ thống kiểm tra sau thông quan phù hợp với yêu cầu quản lý tập trung của ngành và yêu cầu nghiệp vụ	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
32.	Tăng cường biên chế lực lượng kiểm tra sau thông quan	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
33.	Tăng cường đào tạo chuyên sâu, xây dựng chế độ luân chuyển cán bộ công chức kiểm tra sau thông quan theo hướng sử dụng chuyên nghiệp.	2011-2015	(KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
34.	Tăng cường trang thiết bị hiện đại, kinh phí đảm bảo để hoạt động kiểm tra sau thông quan có hiệu quả cao nhất. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan.	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
35.	Nghiên cứu xây dựng chế độ đãi ngộ đủ để thu hút cán bộ công chức vào lực lượng kiểm tra sau thông quan và yên tâm công tác lâu dài ở lực lượng kiểm tra sau thông quan.	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
36.	Đẩy mạnh hoạt động nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, nhất là kiểm tra sau thông quan ở trụ sở doanh nghiệp	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
37.	Xây dựng và triển khai chương trình Doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và điều kiện đặc thù của Việt Nam.	2011-2015	TCHQ (KTSTQ)		500

Tổng kinh phí đề xuất: 500 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2011: 100 triệu đồng;
- Năm 2012: 100 triệu đồng;
- Năm 2013: 100 triệu đồng;
- Năm 2014: 100 triệu đồng;
- Năm 2015: 100 triệu đồng.

Phụ lục 6. Xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hoạt động của ngành

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
38.	Xây dựng và triển khai hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị, cá nhân trong ngành + Hoàn thiện phương pháp luận về xây dựng chỉ số, phương pháp luận về đo thời gian giải phóng hàng. + Xây dựng danh mục các chỉ số trong một số lĩnh vực. + Xây dựng các quy trình đo lường các chỉ số đối với các lĩnh vực đã được đề ra + Tiến hành đo lường các chỉ số theo danh mục đã đề ra	2011-2015 2011-2015 2011-2012 2011-2015	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị có liên quan	500
39.	Báo cáo, đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành trên cơ sở các chỉ số được đo lường	Liên tục định kỳ	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
40.	Kiến nghị, tham mưu, đề xuất xử lý những bất cập liên quan tới cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ	Hàng năm	TCHQ (Ban CCHĐH)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
41.	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các các đơn vị trong ngành triển khai đo lường, quản trị các chỉ số	2011-2015	TCHQ (Ban CCHĐH)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

Tổng kinh phí đề xuất: 500 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2011: 100 triệu đồng;
- Năm 2012: 100 triệu đồng;
- Năm 2013: 100 triệu đồng;
- Năm 2014: 100 triệu đồng;
- Năm 2015: 100 triệu đồng.

Phụ lục 7. Tổ chức bộ máy, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
	Tổ chức bộ máy				
42.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung về chức năng, nhiệm vụ, hệ thống tổ chức Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá.	2011-2015	TCHQ (Vụ TCCB)	Các Vụ, Cục liên quan thuộc BTC	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
43.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Phân tích phân loại theo hướng tiếp cận các chuẩn mực quốc tế.	2012	TCHQ (Vụ TCCB)	Các Vụ, Cục liên quan thuộc BTC	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
	Xây dựng các phòng thí nghiệm hải quan tại các khu vực phù hợp với yêu cầu công việc.	2011-2015			
44.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống tổ chức các Chi cục Hải quan, các địa điểm kiểm tra tập trung phù hợp với tiến trình hiện đại hoá, thực hiện thủ tục hải quan điện tử.	2011-2015	TCHQ (Vụ TCCB)	Các Vụ, Cục liên quan thuộc BTC	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
	Quản lý nguồn nhân lực				
45.	Tiếp tục xây dựng cơ sở lý thuyết, phương pháp xây dựng, cơ chế vận hành, quản lý, sử dụng bản mô tả công việc, bộ tiêu chuẩn năng lực	2011-2012	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
46.	Xây dựng ứng dụng bản mô tả chức danh công việc	2012	TCHQ	Các đơn vị liên	Kinh phí hỗ

	trong điều động, luân chuyển cán bộ, công chức		(Ban CCHĐH)	quan thuộc TCHQ	trợ (NSNN)
47.	Xây dựng ứng dụng bản mô tả chức danh công việc trong công tác quản lý biên chế và tuyển dụng cán bộ, công chức	2012	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
48.	Xây dựng hệ thống quản lý kết quả công việc dựa trên năng lực	2012	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
49.	Xây dựng ứng dụng bản mô tả chức danh công việc trong nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức	2013	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
50.	Xây dựng ứng dụng bản mô tả chức danh công việc trong công tác quy hoạch	2013	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
51.	Xây dựng ứng dụng bản mô tả chức danh công việc trong công tác bổ nhiệm	2013	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
52.	Xây dựng ứng dụng bản mô tả chức danh công việc trong công tác quy hoạch đội ngũ và đào tạo	2014	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
53.	Xây dựng bản mô tả chức danh công chung và bộ tiêu chuẩn năng lực trên cơ sở tái thiết kế quy trình nghiệp vụ và hệ thống thông tin điện tử mới	2014	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
54.	Rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức Hải quan theo yêu cầu chức danh công việc	2014	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
55.	Triển khai thí điểm việc ứng dụng bản mô tả chức danh công việc trong quản lý nguồn nhân lực	2015-2016	TCHQ (Ban CCHĐH)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
	Đào tạo đội ngũ cán bộ công chức				
56.	Đánh giá, tổng kết việc triển khai đề án 220. Xây	2011	TCHQ	Các đơn vị liên	Kinh phí hỗ

	dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài cho 3 lĩnh vực: Ngoại ngữ, nghiệp vụ hải quan, sau đại học cho giai đoạn 2011- 2015.		(Vụ TCCB)	quan thuộc TCHQ	trợ (NSNN)
57.	Xây dựng và triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phục vụ công tác luân chuyển, điều động, đề bạt, bổ nhiệm và chuẩn hoá cán bộ phục vụ cải cách, hiện đại hoá hải quan giai đoạn 2011 - 2015.	2011 - 2015	TCHQ (Vụ TCCB)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
58.	Tổ chức phân tích nhu cầu đào tạo của cán bộ, công chức Hải quan theo chức danh công việc đã được chuẩn hóa.	2013	TCHQ (Vụ TCCB)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
59.	Chuẩn hóa giáo trình, nội dung đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hải quan theo chức danh.	2013 – 2014	TCHQ (Trường HQVN)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
60.	Tổ chức đào tạo theo chức danh đã chuẩn hóa đúng với nội dung giáo trình đã chuẩn hóa.	2014 – 2015	TCHQ (Trường HQVN)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
61.	Xây dựng (xác định nhu cầu, tuyển dụng, đào tạo) đội ngũ giảng viên nghiệp vụ hải quan.	2012 – 2013	TCHQ (Trường HQVN)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
62.	Xây dựng (xác định nhu cầu, tuyển dụng, đào tạo) đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đào tạo.	2012 – 2013	TCHQ (Trường HQVN, Vụ TCCB)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
63.	Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý và các kỹ năng giải quyết công việc cho các cán bộ lãnh đạo hải quan các cấp.	2014	TCHQ (Trường HQVN)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
64.	Lập và tổ chức thực hiện Đề án xây dựng Trường Hải quan Việt Nam chính quy và hiện đại	2011 – 2015	TCHQ (Trường HQVN, Vụ TCCB)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
65.	Chuẩn hóa loại hình đào tạo trên giảng đường, xây dựng loại hình đào tạo tại đơn vị, tự đào tạo, đào tạo kết hợp với các tổ chức và cá nhân nước ngoài,	2011 – 2015	TCHQ (Trường HQVN, Vụ TCCB)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

	đào tạo trực tuyến....				
	Tăng cường liên chính hải quan				
66.	Xây dựng Đề án tăng cường liên chính cho lực lượng Hải quan và kế hoạch triển khai thực hiện.	2011	TCHQ (Vụ TCCB)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
67.	Tổ chức triển khai thực hiện giai đoạn 1 của Đề án tăng cường liên chính cho lực lượng Hải quan: + Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đảm bảo liên chính hải quan: + Xây dựng và triển khai hệ thống phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm liên chính hiệu quả.	2012 - 2015	TCHQ (Vụ TCCB)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
68.	Tiếp tục nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức thực hiện chức năng nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đối với Tổng cục Hải quan	2011-2015	TCHQ (Thanh tra)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
69.	Ban hành các văn bản hướng dẫn phân cấp đối với các đơn vị trong việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, thanh tra hành chính	2011-2015	TCHQ (Thanh tra)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
70.	Tổ chức tập huấn triển khai về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị có chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành trong phạm vi Tổng cục Hải quan	2011-2015	TCHQ (Thanh tra)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

Phụ lục 8. Công nghệ thông tin và thống kê hải quan

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
	Mua sắm, xây dựng, phát triển phần mềm				
71.	Đầu tư mới hệ thống CNTT phục vụ cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực hải quan và triển khai Cơ		TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc	

	<p>chế một cửa quốc gia theo phê duyệt của Bộ Tài chính (dưới hình thức viện trợ không hoàn lại, từ NSNN hay hợp tác công - tư)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án + Xây dựng hệ thống + Triển khai thí điểm + Triển khai mở rộng 	<p>2011</p> <p>2012 - 2013</p> <p>2014</p> <p>2015</p>		TCHQ	
72.	<p>Nâng cấp Hệ thống nghiệp vụ Hải quan tích hợp và các hệ thống khác có liên quan theo mô hình xử lý tập trung cấp Cục Hải quan trong giai đoạn quá độ trước khi hệ thống mới được đưa vào hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nâng cấp, triển khai phân hệ thông quan điện tử (e-Clearance) + Xây dựng, triển khai phân hệ xử lý lược khai hàng hóa điện tử (e-Manifest) + Nâng cấp, triển khai phân hệ xử lý, trao đổi thông tin về thanh toán thuế điện tử (e-Payments) + Xây dựng, triển khai cổng thông tin tiếp nhận, trao đổi thông tin một cửa quốc gia và tham gia Cơ chế một cửa ASEAN (e-Permits) + Xây dựng, nâng cấp, triển khai các hệ thống hỗ trợ nghiệp vụ hải quan khác 	<p>2011 - 2012</p> <p>2011 - 2012</p> <p>2011 - 2012</p> <p>2011 - 2012</p> <p>2011 - 2014</p>	TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	
73.	Nâng cấp, triển khai hệ thống tin học hóa công tác văn phòng	2011-2015	TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	
74.	Mua sắm phần mềm hệ thống (các phần mềm có bản quyền)	2011-2015	TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	

	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu		TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	
75.	Cơ sở dữ liệu thông tin tình báo và quản lý tuân thủ (quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan)	Liên tục			
76.	Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan	Liên tục			
77.	Cơ sở dữ liệu quản lý thuế	Liên tục			
78.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phục vụ thống kê nhà nước về hải quan	Liên tục			
79.	Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa	Liên tục			
80.	Các cơ sở dữ liệu tham chiếu khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan	Liên tục			
	Đầu tư trang, thiết bị, an ninh, an toàn và hạ tầng mạng		TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	
81.	Đầu tư trang cấp thiết bị phục vụ nhu cầu tác nghiệp và nhu cầu xử lý trên cơ sở kế hoạch trang cấp thiết bị hàng năm	Liên tục			
82.	Duy trì, nâng cấp đường truyền đảm bảo khả năng dự phòng và băng thông mạng	Liên tục			
83.	Đầu tư duy trì, nâng cấp hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống CNTT	Liên tục			
	Hình thành Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử tập trung		TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	
84.	Duy trì, nâng cấp các Trung tâm dữ liệu tại các Cục Hải quan Tỉnh, Thành phố và tại Tổng cục Hải quan để đáp ứng yêu cầu xử lý dữ liệu tập trung cấp	Liên tục			

	Cục hải quan trong giai đoạn trước mắt				
85.	Hình thành Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử tập trung trực thuộc Tổng cục Hải quan	2013 - 2015			
	Duy trì, quản trị, vận hành hệ thống		TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	
86.	Thuê dịch vụ bảo trì đối với hệ thống phần cứng và các phần mềm ứng dụng	Liên tục			
87.	Thuê dịch vụ quản trị mạng tập trung	Liên tục			
88.	Thuê dịch vụ duy trì, cập nhật Cổng thông tin hải quan	Liên tục			
89.	Thuê dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử	Liên tục			
	Xây dựng cơ chế, chính sách		TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
90.	Hoàn thiện và ban hành quy trình, quy chế liên quan đến nghiên cứu, mua sắm, xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, triển khai hệ thống CNTT (bao gồm cả phần cứng, phần mềm,...)	2011-2015			
91.	Xây dựng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai hệ thống CNTT và Cơ chế một cửa quốc gia	2011-2015			
	Tuyên truyền		TCHQ (Ban CCHĐH)		
	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT Hải quan		TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan thuộc TCHQ	

Tổng kinh phí đề xuất: 1.440.570 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2011: 121.560 triệu đồng;
- Năm 2012: 131.130 triệu đồng;
- Năm 2013: 406.640 triệu đồng;
- Năm 2014: 391.370 triệu đồng;
- Năm 2015: 389.870 triệu đồng.

Phụ lục 9. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
92.	Thực hiện đầu tư xây dựng trụ sở của ngành Hải quan đến năm 2015 theo Quyết định số 7341/QĐ-BTC ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch đầu tư xây dựng trụ sở giai đoạn 2006-2010 và quy hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống Hải quan giai đoạn 2011-2015.	2011-2015	TCHQ (TVQT)	Các đơn vị liên quan	Theo đề án
93.	Quy hoạch hệ thống địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung: + Tổng hợp về nhu cầu, quy mô, số lượng. + Xây dựng tổng nhu cầu kinh phí đối với hệ thống địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung của ngành Hải quan + Đầu tư xây dựng 05 địa điểm kiểm tra hàng hoá tập trung và tiếp tục quy hoạch 12 địa điểm.	2010-2011 2011 2011-2015	TCHQ (TVQT)	Các đơn vị liên quan	Theo đề án
94.	Đầu tư trang bị đồng bộ về máy soi container	2011-2015	TCHQ	Các đơn vị liên	Theo đề án

	(được phê duyệt tại Công văn số 6378/BTC-KHTC ngày 17/5/2011 của Bộ Tài chính về kế hoạch trang bị máy soi container của Tổng cục Hải quan năm 2011 bao gồm 08 máy soi mua từ NSNN và 02 máy soi mua theo phương thức xã hội hoá), hệ thống camera giám sát (12 hệ thống theo Quyết định số 2550/QĐ-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ Tài chính), cân điện tử, kho bãi chờ kiểm tra, bãi chờ kết quả, nhà kiểm tra thủ công và các trang thiết bị chuyên dụng khác tại 23 địa điểm kiểm tra hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tập trung		(TVQT)	quan	
95.	Đầu tư trang bị các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho hệ thống các phòng thí nghiệm theo chuẩn quốc gia	2011-2015	TCHQ (TVQT)	Các đơn vị liên quan	Theo đề án
96.	Triển khai thực hiện Đề án trang bị tàu thuyền cho lực lượng kiểm soát chống buôn lậu trên biển sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	2011-2015	TCHQ (TVQT)	Các đơn vị liên quan	Theo đề án
97.	Thực hiện rà soát nhu cầu xây dựng, đầu tư, mua sắm, trang bị về cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị hiện đại hỗ trợ công tác nghiệp vụ.	Liên tục hàng năm	TCHQ (TVQT)	Các đơn vị liên quan	Theo đề án

Tổng kinh phí đề xuất cho hoạt động xây dựng cơ bản 5.044.000 triệu đồng

- Năm 2011: 1.008.800 triệu đồng;
- Năm 2012: 1.008.800 triệu đồng;
- Năm 2013: 1.008.800 triệu đồng;
- Năm 2014: 1.008.800 triệu đồng;
- Năm 2015: 1.008.800 triệu đồng.

Phụ lục 10. Các nội dung khác

Hoạt động	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu)
Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế					
98.	Rà soát toàn bộ các cam kết trong khuôn khổ hợp tác đa phương trong đó bao gồm cả nội dung về một cửa quốc gia và ASEAN Single Window các nội dung về GMS	2011	TCHQ (HTQT)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
99.	Tiếp tục đàm phán, vận động các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho Hải quan Việt Nam nhằm nâng cao năng lực và đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá	2011-2015	TCHQ (HTQT)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
100.	Tiếp tục chủ động tham gia mọi mặt hoạt động của các tổ chức quốc tế để thu thập, khai thác có hiệu quả thông tin và kinh nghiệm các tổ chức quốc tế và các nước/nền kinh tế thành viên tại các tổ chức đa phương về Hải quan	2011-2015	TCHQ (HTQT)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
101.	Tiến hành đàm phán ký kết với hiệp định/thỏa thuận hợp tác Hải quan với Hải quan các nước có quan hệ thương mại với Việt Nam, tập trung vào những nước có tỷ trọng kim ngạch lớn như Hoa Kỳ, các nước EU, Australia,... các nước bạn bè truyền thống như các nước Đông Âu và một số nước ASEAN	2011 - 2015	TCHQ (HTQT)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
102.	Xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện các cam kết quốc tế của Hải quan Việt Nam	2011-2015	TCHQ (HTQT)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
Các lĩnh vực khác					
103.	Xây dựng cơ chế đối tác Hải quan với cộng đồng		TCHQ	Các đơn vị thuộc	

	doanh nghiệp và các bên liên quan + Xây dựng và phê duyệt chương trình tổng thể về phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực của WCO và điều kiện Việt Nam; + Phát triển hệ thống đại lý làm thủ tục hải quan	2011 Liên tục		Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành, cơ quan liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN) 500
104.	Theo dõi, điều phối, quản lý quá trình thực hiện Kế hoạch; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các nội dung thuộc Kế hoạch hàng năm phù hợp với tiến độ thực hiện	Liên tục	TCHQ (Ban CCHĐH)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
105.	Thực hiện thông tin, tuyên truyền về chính sách pháp luật, các quy trình thủ tục hải quan; tranh thủ sự phối hợp, đồng tình của các tổ chức, cá nhân trong thực thi pháp luật hải quan.	Liên tục	TCHQ (Văn phòng)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
106.	Xây dựng và thực hiện thống nhất mô hình hệ thống quản lý chất lượng	2011-2015	TCHQ (Văn phòng)		Kinh phí hỗ trợ (NSNN)
107.	Triển khai các chỉ tiêu thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu mới trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; đa dạng hoá các sản phẩm thống kê; nâng cao chất lượng phân tích, dự báo thống kê; nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật, nghiệp vụ thống kê hiện đại vào thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.	Liên tục	TCHQ (Cục CNTT)	Các đơn vị liên quan	Kinh phí hỗ trợ (NSNN)

Tổng kinh phí đề xuất: 500 triệu đồng
- Năm 2011: 100 triệu đồng;
- Năm 2012: 100 triệu đồng;
- Năm 2013: 100 triệu đồng;

- Năm 2014: 100 triệu đồng;
- Năm 2015: 100 triệu đồng.

Phụ lục 11. Kinh phí dự kiến

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	Ghi chú
Phụ lục 1	160	50	150	200	340	900	
Phụ lục 2							Kinh phí hoạt động thường xuyên từ NSNN
Phụ lục 3							Kinh phí hoạt động thường xuyên từ NSNN
Phụ lục 4	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	15.000	
Phụ lục 5	100	100	100	100	100	500	
Phụ lục 6	100	100	100	100	100	500	
Phụ lục 7							Kinh phí hoạt động thường xuyên từ NSNN
Phụ lục 8	121.560	131.130	406.640	391.370	389.870	1.440.570	
Phụ lục 9	1.008.800	1.008.800	1.008.800	1.008.800	1.008.800	5.044.000	Kinh phí XD CB
Phụ lục 10	100	100	100	100	100	500	Kinh phí hoạt động thường xuyên từ NSNN
Tổng cộng	1.133.820	1.143.280	1.418.890	1.403.670	1.402.310	6.501.970	